

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94055: QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
(ENVIRONMENTAL MANAGEMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì:
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03 - Tự học: 135)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
+ Học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ tự học: 135 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Quản lý Môi trường
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên sâu ... ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Khoa học môi trường	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực Khoa học môi trường
Kiến thức chuyên môn	
CĐR2: Áp dụng phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực môi trường	2.2. Áp dụng các kỹ thuật đánh giá trong nghiên cứu môi trường
CĐR4: Đề xuất các giải pháp quản lý môi trường hiệu quả và bền vững	4.2. Đề xuất các giải pháp quản lý môi trường theo quy định bảo vệ môi trường quốc gia và quốc tế phục vụ phát triển bền vững

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kỹ năng chuyên môn	
CĐR6: Sử dụng thành thạo các thiết bị, kỹ năng chuyên môn để phục vụ hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực Khoa học môi trường	6.1. Sử dụng thành thạo kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Khoa học môi trường
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học môi trường	7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các công cụ chính trong công tác quản lý môi trường trong nông nghiệp, nông thôn, làng nghề, đô thị
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về đánh giá, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch, làm việc độc lập và làm việc nhóm; kỹ năng tổng hợp tài liệu, viết báo cáo
- Về thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên có tinh thần tự chủ tìm, đọc và nghiên cứu tài liệu, tích cực tham gia thảo luận, cập nhật kiến thức về quản lý môi trường trong các lĩnh vực.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho chỉ báo CĐR của CTĐT					
		1.1	2.2	4.2	6.1	7.1	8.1
TM94055	Quản lý môi trường	P	P	P	P	R	R

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức		
K1	Giải thích các quan hệ giữa các thành phần trong hệ thống môi trường	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực Khoa học môi trường
K2	Lựa chọn công cụ quản lý môi trường chính trong phân tích thông tin, xây dựng kế hoạch quản lý môi trường hướng tới phát triển bền vững	2.2. Áp dụng các kỹ thuật đánh giá trong nghiên cứu môi trường

K3	Vận dụng các biện pháp quản lý môi trường theo quy định phục vụ phát triển bền vững	4.2. Đề xuất các giải pháp quản lý môi trường theo quy định bảo vệ môi trường quốc gia và quốc tế phục vụ phát triển bền vững
Kỹ năng		
K4	Tổng hợp tài liệu, viết báo cáo, trình bày báo cáo quản lý môi trường	6.1. Sử dụng thành thạo kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Khoa học môi trường
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Hoàn thiện năng lực bản thân và khả năng làm việc nhóm để bảo vệ quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực quản lý môi trường	7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
K6	Hình thành thói quen và thái độ tự giác trong bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT94055 – Quản lý Môi trường (Tổng số tín chỉ: 03: Tổng số tín chỉ lý thuyết: 03 – Tổng số tín chỉ tự học: 9)

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này cung cấp cho người học kiến thức chung về quản lý môi trường theo hướng phát triển bền vững; phân tích các công cụ pháp lý, kinh tế và kỹ thuật trong quản lý môi trường; Xây dựng hồ sơ quản lý môi trường cho các vấn đề môi trường nông thôn, đô thị, khu công nghiệp và làng nghề. Môn học giúp người học hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng và năng lực về quản lý môi trường và vận dụng cho nhiều vị trí nghề nghiệp khác nhau.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Thảo luận theo nhóm
- E-learning: Sinh viên nhận tài liệu và nộp bài tập trực tuyến theo nhóm và nhận được phản hồi đánh giá từ giảng viên

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, nhận diện các vấn đề liên quan
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các môn học khác để phân tích và đề xuất giải pháp quản lý môi trường.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 75% tiết học lý thuyết và các hoạt động trên lớp.
- Tự học: Sinh viên tham dự học phần này phải đọc bài giảng, tài liệu liên quan do giảng viên cung cấp.
- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành bài tập nhóm
- Kiểm tra giữa kì: Tham gia trình bày và nộp báo cáo bài tập nhóm có thảo luận
- Thi cuối kì: Tham gia kỳ thi cuối kỳ bằng đề thi trắc nghiệm

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 40%
 - o Tham dự trên lớp: 10%
 - o Kiểm tra giữa kỳ: 30%
- Điểm kiểm tra cuối kỳ: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		40	
Tham dự lớp	K5, K6	10	1-10
Tiểu luận giữa kỳ	K4, K5, K6	30	5-10
Đánh giá cuối kì		60	
Thi cuối môn học	K1, K2, K3		Theo lịch của Học viện

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Trình bày được mối quan hệ giữa các thành phần trong hệ thống môi trường dựa vào kiến thức kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật
K1	Chỉ báo 2. Giải thích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế xã hội: Ảnh hưởng của phát triển tới môi trường
K1	Chỉ báo 3: Chứng minh được các cơ sở khoa học – kỹ thuật – công nghệ của quản lý môi trường
K2	Chỉ báo 4: Giải thích hệ thống tổ chức và thẩm quyền của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý hành chính nhà nước về môi trường
K2	Chỉ báo 5: Áp dụng các công cụ kinh tế, pháp luật, kỹ thuật, phụ trợ trong công tác quản lý môi trường
K2	Chỉ báo 6: Phân tích khung DPSIR trong đánh giá hiện trạng môi trường
K3	Chỉ báo 7: Lựa chọn hiệu quả của các công cụ quản lý môi trường đối với các lĩnh vực môi trường hướng tới phát triển bền vững

Rubric 1: Tham dự trên lớp

Tiêu chí	Trọng số	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Điểm danh thời gian tham dự	50	Tham dự đủ 100% số buổi	Tham dự > 90% số buổi học	Tham dự từ 70% - 90% số buổi học	Tham dự dưới 70% số buổi học

Thái độ tham dự và phát biểu ý kiến trong lớp học	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/ít tham gia
---	----	--------------------------------------	------------------------	-----------------------	-------------------------

Rubric 2: Đánh giá giữa kỳ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Nội dung bài thuyết trình	40	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Hình thức và mức độ tin cậy của số liệu trong báo cáo	20	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Kỹ năng thuyết trình	20	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt. Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt. Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ. Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Không có tương tác bằng mắt. Trả lời sai đa số các câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	20	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- **Nộp bài tập chậm:** Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm: trừ 50% điểm chuyên cần.
- **Không làm bài tập tiểu luận:** 0 điểm.
- **Điểm thi cuối kỳ:** Không tham gia thi cuối kỳ (và không có lý do được chấp thuận theo QĐ hiện hành): điểm 0.
- **Yêu cầu về đạo đức:** Không được sử dụng điện thoại trong lớp, không đi muộn, không ngủ trong lớp. Tôn trọng ý kiến khác biệt và quyền cá nhân.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

1. Đinh Đức Trường, Nguyễn Công Thành, Ngô Thanh Mai (2023) Giáo trình Quản lý tài nguyên và môi trường. NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.
2. Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Hà (2023) Giáo trình Luật hành chính Việt Nam. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

3. Lê Thị Thu Hoa, Nguyễn Thế Chinh (2023) Giáo trình kinh tế và quản lý môi trường. NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân
4. Hồ Thị Lam Trà, Lương Đức Anh, Cao Trường Sơn (2012). Giáo trình quản lý môi trường. NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
5. GS.TSKH Lê Huy Bá (chủ biên), Thái Vũ Bình, Vũ Đình Long, Giáo trình Quản lý môi trường (phần chuyên đề) (2016), Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh

*** Tài liệu tham khảo khác:**

1. Quốc hội (2020), Luật bảo vệ môi trường 2020
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2019), Báo cáo định kỳ hiện trạng Môi trường
3. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (2010), Giáo trình Kinh tế Môi trường
4. Đinh Thị Hải Vân, Cao Trường Sơn, (2018) Đánh giá dòng nito trên quy trình chăn nuôi lợn quy mô trang trại tại Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tháng 12, tr: 15-21
5. Nguyễn Trọng Khánh, Nguyễn Thị Ngọc Anh, Nguyễn Ngọc Doanh, Đinh Thị Hải Vân (2017) Optimization of Municipal Solid waste transportation by integrating GIS analysis, equation-based, and agent-based model, Waste Management No 59 (2017), pp 14-22
6. Võ Hữu Công, Nguyễn Thanh Lâm, Đinh Thị Hải Vân, Cao Trường Sơn, Nguyễn Thị Hương Giang, Nguyễn Thị Bích Hà (2018). Ô nhiễm môi trường chăn nuôi lợn và một số biện pháp xử lý chất thải, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 22-31.
7. Cao, S.T., Tran, H.P., Le, H.T.T., Bui, H.P.K., Nguyen, G.T.H., Nguyen, L.T., Nguyen, B.T., Luong, A.D., 2021. Impacts of effluent from different livestock farm types (pig, cow, and poultry) on surrounding water quality: a comprehensive assessment using individual parameter evaluation method and water quality indices. Environ. Sci. Pollut. Res. <https://doi.org/10.1007/s11356-021-14284-9>

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
1-2	Chương 1: Những vấn đề cơ bản của quản lý môi trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: 1.1. Những vấn đề chung trong quản lý môi trường 1.2. Khủng hoảng môi trường 1.3. Các mục tiêu, nội dung, nguyên tắc và xu hướng quản lý môi trường	K1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Khủng hoảng môi trường	K1
3	Chương 2: Cơ sở của quản lý môi trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: 2.1. Cơ sở triết học của quản lý môi trường 2.2. Cơ sở khoa học công nghệ của quản lý môi trường 2.3. Cơ sở kinh tế của quản lý môi trường 2.4. Cơ sở luật pháp của quản lý môi trường	K1

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Cơ sở của quản lý môi trường: phân tích mối quan hệ Tự nhiên – Con người – Xã hội	K1
4-5-6	Chương 3: Các công cụ trong quản lý môi trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (12 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: 3.1. Khái niệm về công cụ quản lý môi trường 3.2. Phân loại công cụ quản lý môi trường 3.3. Công cụ luật pháp – chính sách 3.4. Công cụ kinh tế 3.5. Công cụ kỹ thuật 3.6. Công cụ phụ trợ	K2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (36 tiết) Báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường Nông thôn, Đô thị, Khu công nghiệp	K2
	Chương 4. Quản lý hành chính nhà nước về môi trường	
7	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 4.1. Cơ sở lý luận về quản lý hành chính nhà nước về môi trường 4.2. Bộ máy quản lý hành chính nhà nước về môi trường ở Việt Nam 4.3. Các thủ tục hành chính cơ bản trong quản lý nhà nước về môi trường	K1 – K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Tìm hiểu về luật Bảo vệ Môi trường và hệ thống tổ chức, cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước về môi trường	K1 – K3
8-9	Chương 5: Quản lý môi trường tại nông thôn, làng nghề, đô thị và khu công nghiệp A/ Các nội dung chính trên lớp: (9 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: 5.1. Đặc trưng của môi trường nông thôn và làng nghề 5.2 Các thách thức trong quản lý môi trường nông thôn và làng nghề 5.3. Giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn và làng nghề 5.4. Đặc trưng của môi trường đô thị và khu công nghiệp 5.5. Các thách thức trong quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp 5.3. Giải pháp bảo vệ môi trường đô thị và khu công nghiệp	K1-K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết) Đọc báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia	
10	Chương 6. Quản lý môi trường hướng tới phát triển bền vững	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)	K1 – K2

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: 6.1. Kinh tế tuần hoàn 6.2. Các mô hình quản lý môi trường hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển bền vững	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết) Các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh hướng tới phát triển bền vững	K1 – K2

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, bảng, giấy Ao, bút viết bảng
- E- learning
- Phần mềm MsTeam

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Cao Tường Sơn

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Quốc Vinh

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Đinh Thị Hải Vân



GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đinh Thị Hải Vân	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0936953333
Email: dingthihaivan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại or email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Cao Trường Sơn	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0975278172
Email: caotruongson.hua@gmail.com	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại or email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0986784458
Email: hongngockhtn@gmail.com	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại or email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thanh Lâm	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0969713084
Email: lamkku@gmail.com	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại or email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Giang	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0915243136
Email: nguyenthihuonggiang@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại or email	

CÁC LẦN CẢI TIẾN

(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

- Lần 1: 7/ 2020 – Bổ sung hình thức dạy, học và đánh giá online
- Lần 2: Cập nhật thông tin khoa do chuyển đổi từ khoa Môi trường thành Khoa Tài nguyên và môi trường
- Lần 3: 7/2022 – Thay đổi số tín chỉ và nội dung giảng dạy phù hợp với số tín chỉ
- Lần 4: 7/ 2023: Bổ sung kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên vào bài giảng
- Lần 5: 7/2024: Học phần được kết hợp với môn Quản lý hành chính nhà nước về Môi trường để nâng lên 3 TC
 - Rà soát và cập nhật nội dung và kiến thức học phần, bài giảng theo yêu cầu của chương trình đào tạo sau khi được cải tiến.
 - Bổ sung nội dung giảng dạy, tài liệu tham khảo và giảng viên tham gia giảng dạy cho phù hợp